

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển BOT Cần Đơn thuộc Tổng công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 44.03.000032 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp bổ sung 12 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó thay đổi số đăng ký kinh doanh thành 38010668943, đăng lý thay đổi lần thứ 12 vào ngày 25 tháng 7 năm 2017 tăng vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : 0271 356 3359
- Fax : 0271 356 3133

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy Thủy điện Ry Ninh II	Thôn Ia Ping, Thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn - Nhà máy Thủy điện Nà Lơi	Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình giao thông; thi công xây lắp các công trình giao thông);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi và bu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cấp thoát nước; đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp; thi công xây lắp các công trình công nghiệp và bu điện, thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220 KV);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: sản xuất kinh doanh vật tư - xây dựng, máy móc thiết bị);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: dịch vụ khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: dạy nghề; đào tạo cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy thủy điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ);
- Sản xuất giống thủy sản; Khai thác thủy sản nội địa; Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu hàng dệt may);

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện);
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: mua bán khoáng sản (không chờ đá thô ra ngoài tỉnh));
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Chi tiết: gia công và xây lắp các thiết bị cơ khí);
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: chế biến khoáng sản);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: khai thác, lọc và phân phối nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan (Chi tiết: giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát công tác thi công và lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp);
- Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết, nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân; tiếp nhận, vận tài vật tư thiết bị./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Văn Thạnh (*)	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2017
Ông Mai Ngọc Hoàn (*)	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2017
Ông Đồng Văn Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2015

(*) Ông Trần Văn Thạnh đã có đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị chấp thuận tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Ông Mai Ngọc Hoàn được Hội đồng quản trị thống nhất giao nhiệm vụ phụ trách hoạt động của Hội đồng quản trị kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến khi Công ty hoàn thành việc bổ nhiệm thay thế chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị theo qui định.

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đỗ Thị Trâm Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Xuân Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014
Ông Trần Văn Sáu	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Ngọc Hoàn - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc


Mai Ngọc Hoàn

Ngày 25 tháng 02 năm 2019

Số: 2.0083/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo của Công ty Cổ phần thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và Công ty con (gọi chung là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 7 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 26 tháng 02 năm 2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V kiểm toán và đã thông báo Kết quả kiểm toán tại Thông báo số 200/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

02-C
NH
Y
TU HA
TU VA
01
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		701.466.695.911	600.708.696.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48.771.007.153	42.863.292.748
1. Tiền	111		20.771.007.153	15.363.292.748
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.000.000.000	27.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.000.000.000	135.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	115.000.000.000	135.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		529.199.291.448	413.438.475.649
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	519.489.330.982	387.819.120.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.652.220.908	1.575.388.193
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	45.199.189.264	49.199.189.264
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	29.663.441.052	29.739.400.181
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(66.804.890.758)	(54.894.622.089)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.885.948.817	8.737.963.746
1. Hàng tồn kho	141	V.8	7.885.948.817	8.737.963.746
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		610.448.493	668.963.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	610.448.493	640.625.124
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	28.338.761
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		757.184.139.868	836.061.368.739
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		720.826.324.911	812.853.112.413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	717.426.324.911	809.453.112.413
<i>Nguyên giá</i>	222		1.955.156.670.756	1.954.060.436.045
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.237.730.345.845)	(1.144.607.323.632)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		3.400.000.000	3.400.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	19.784.711.752	4.906.820.738
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.784.711.752	4.906.820.738
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.841.309.273	1.841.309.273
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.841.309.273	1.841.309.273
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.731.793.932	16.460.126.315
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.106.112.929	6.206.115.833
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	10.625.681.003	10.254.010.482
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.458.650.835.779	1.436.770.064.767

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		484.920.388.073	329.440.500.016
I. Nợ ngắn hạn	310		243.911.361.248	73.929.791.689
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	50.656.297.124	33.173.336.299
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.017.500	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	16.046.423.156	11.694.501.199
4. Phải trả người lao động	314		10.667.205.167	10.416.972.234
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	991.364.274	5.093.089.890
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	141.211.024.518	2.006.761.146
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	16.901.412.364	8.585.166.157
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	110.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	7.311.617.145	2.959.964.764
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		241.009.026.825	255.510.708.327
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	100.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	239.588.839.588	254.132.098.105
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	1.320.187.237	1.378.610.222
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		973.730.447.706	1.107.329.564.751
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	973.695.852.109	1.107.294.969.154
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		689.986.200.000	689.986.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.212.070.479	1.212.070.479
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.964.793.542	4.237.592.735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.515.794.019	400.976.934.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.665.943.337	400.976.934.144
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		190.849.850.682	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.016.994.069	10.882.171.796
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.595.597	34.595.597
1. Nguồn kinh phí	431		34.595.597	34.595.597
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.458.650.835.779	1.436.770.064.767

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

Hồ Thị Huệ

Kế toán trưởng

Đồng Văn Tâm

Tổng Giám Đốc



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	496.321.592.056	495.020.985.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		496.321.592.056	495.020.985.164
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	222.240.939.500	209.244.544.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		274.080.652.556	285.776.440.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.277.864.413	7.702.803.299
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.211.796.157	17.036.288.513
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.602.756.438	16.508.203.634
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	47.548.693.769	55.087.996.899
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		214.598.027.043	221.354.958.862
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.113.176.408	830.817.355
13. Chi phí khác	32	VI.7	308.531.481	308.593.642
14. Lợi nhuận khác	40		804.644.927	522.223.713
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		215.402.671.970	221.877.182.575
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		24.476.422.000	25.401.455.967
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(58.422.985)	60.861.133
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		190.984.672.955	196.414.865.475
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		190.849.850.682	196.555.314.244
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		134.822.273	(140.448.769)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.768	3.131
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.768	3.131

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Hồ Thị Huệ

Đồng Văn Tâm



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		215.402.671.970	221.877.182.575
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	93.509.829.573	95.045.723.740
- Các khoản dự phòng	03	VI.5, V.15	12.020.268.669	22.644.786.401
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	2.569.047.563	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.305.809.868)	(7.482.191.518)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.602.756.438	16.508.203.634
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		332.798.764.345,2	348.811.177.930
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(131.642.745.707,0)	(104.950.557.748)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		480.344.408,0	(494.501.184)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.595.393.527,8	2.509.642.556
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.130.179.535,0	(582.441.450)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.076.428.856,0)	(16.554.382.245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(25.346.071.252,0)	(24.815.604.404)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(9.669.802.972,0)	(8.176.012.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		158.269.633.029	195.747.320.748
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.658.716.095)	(3.314.001.564)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	27.945.455	90.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(55.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44.000.000.000	11.021.478.873
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	8.277.864.413	7.392.191.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.647.093.773	(39.810.331.173)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(8.638.453.137)	(4.347.614.218)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17,22	(172.370.475.780)	(158.506.895.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(181.008.928.917)	(162.854.509.293)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.907.797.885	(6.917.519.718)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	42.863.292.748	49.780.687.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(83.480)	125.302
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	48.771.007.153	42.863.292.748

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập biểu



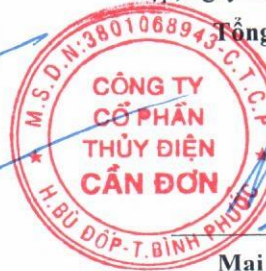
Hồ Thị Hué

Kế toán trưởng



Đồng Văn Tâm

Tổng Giám Đốc



Mai Ngọc Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là: sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty mẹ không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty mẹ chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên có trụ sở chính tại Làng Kon Sơ Lãng, xã Hà Tây, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 81,25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 281 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 289 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua/bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời hạn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Phí cấp quyền khai thác

Phí cấp quyền khai thác được phân bổ vào chi phí theo thời hạn được cấp quyền khai thác (thông thường là 12 tháng).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-50
Máy móc và thiết bị	03-40
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	03-08

Riêng đối với tài sản cố định là Nhà máy thủy điện Cần Đơn được thực hiện khấu hao theo sản lượng điện sản xuất trong kỳ trên tổng sản lượng thiết kế vận hành tianhs trong thời gian hoạt động của nhà máy là 25 năm kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua, bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/ky, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	798.475.323	1.030.944.011
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.972.531.830	14.332.348.737
Các khoản tương đương tiền (Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	28.000.000.000	27.500.000.000
Cộng	<u>48.771.007.153</u>	<u>42.863.292.748</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ry Ninh II ĐăkPsi. Công ty này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	508.659.809.766	374.689.733.718
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	508.659.809.766	374.689.733.718
Phải thu các khách hàng khác	10.829.521.216	13.129.386.382
Tổng công ty điện lực Miền Trung	7.959.632.314	8.049.606.170
Tổng công ty điện lực Miền Bắc	2.320.323.074	4.623.203.967
Các khách hàng khác	549.565.828	456.576.245
Cộng	<u>519.489.330.982</u>	<u>387.819.120.100</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	25.199.189.264	29.199.189.264
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	25.199.189.264	29.199.189.264
Cộng	<u>45.199.189.264</u>	<u>49.199.189.264</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.115.833.333</i>	<i>7.115.833.333</i>	<i>7.115.833.333</i>	<i>6.821.749.999</i>
Phải thu tiền lãi cho vay Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	7.115.833.333	7.115.833.333	7.115.833.333	6.821.749.999
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>20.802.317.265</i>	<i>14.198.597.661</i>	<i>20.021.847.838</i>	<i>13.342.169.105</i>
Phải thu tiền lãi cho vay Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	14.198.597.661	14.198.597.661	14.198.597.661	13.342.169.105
Phải thu tiền lãi cho vay Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	1.745.290.454		1.745.290.454	
Tạm ứng	269.077.696		389.555.681	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.334.641.908		6.290.123.052	
Cộng	29.663.441.052	21.314.430.994	29.739.400.181	20.163.919.104

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các bên liên quan		27.115.833.333		27.115.833.333
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		27.115.833.333		27.115.833.333
Gốc vay	Trên 3 năm	20.000.000.000	Từ 2 đến 3 năm	20.000.000.000
Lãi vay	Trên 3 năm	6.135.555.555	Trên 3 năm	6.135.555.555
Lãi vay			Từ 2 đến 3 năm	980.277.778
Các tổ chức và cá nhân khác		48.630.166.448		52.630.166.448
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		39.397.786.925		43.397.786.925
Gốc vay	Trên 3 năm	25.199.189.264	Từ 2 đến 3 năm	29.199.189.264
Lãi vay	Trên 3 năm	14.198.597.661	Trên 3 năm	11.343.835.810
Lãi vay			Từ 2 đến 3 năm	2.854.761.851
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Xom	Trên 3 năm	1.745.290.454	Trên 3 năm	1.745.290.454
Các tổ chức và cá nhân khác		7.487.089.069		7.487.089.069
Cộng		75.745.999.781		79.745.999.781
		73.215.059.626		77.215.059.626

Tình hình biến động dự phòng trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.894.622.089	32.249.835.688
Trích lập dự phòng bổ sung	11.910.268.669	23.911.235.647
Hoàn nhập dự phòng		(1.266.449.246)
Số cuối năm	66.804.890.758	54.894.622.089

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.837.197.817	8.698.472.746
Công cụ, dụng cụ	46.951.000	39.491.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.800.000	
Cộng	<u>7.885.948.817</u>	<u>8.737.963.746</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	131.058.289	198.842.567
Thí nghiệm hiệu chỉnh	438.600.739	438.600.739
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	40.789.465	3.181.818
Cộng	<u>610.448.493</u>	<u>640.625.124</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.106.112.929	6.201.744.616
Công cụ dụng cụ		4.371.217
Cộng	<u>4.106.112.929</u>	<u>6.206.115.833</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.084.016.990.854	724.997.417.990	143.507.344.521	1.538.682.680	1.954.060.436.045
Mua trong năm		707.000.000		844.586.718	1.551.586.718
Thanh lý, nhượng bán			(455.352.007)		(455.352.007)
Số cuối năm	1.084.016.990.854	725.704.417.990	143.051.992.514	2.383.269.398	1.955.156.670.756
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.925.990.015	51.333.270.141	3.067.119.880	997.872.680	62.324.252.716
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	601.473.852.629	448.258.882.158	93.667.143.786	1.207.445.059	1.144.607.323.632
Khấu hao trong năm	50.270.862.685	34.584.218.532	8.498.025.134	156.723.222	93.509.829.573
Hao mòn tài sản cố định phúc lợi	68.544.647				68.544.647
Thanh lý, nhượng bán			(455.352.007)		(455.352.007)
Số cuối năm	651.813.259.961	482.843.100.690	101.709.816.913	1.364.168.281	1.237.730.345.845
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	482.543.138.225	276.738.535.832	49.840.200.735	331.237.621	809.453.112.413
Số cuối năm	432.203.730.893	242.861.317.300	41.342.175.601	1.019.101.117	717.426.324.911

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 630.821.668.357VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Nguyên giá của các tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Hà Tây đang được ghi nhận theo giá tạm tính là 258.765.935.011 VND (Nhà cửa, vật kiến trúc: 169.392.273.157 VND và Máy móc thiết bị: 89.373.661.854 VND) do quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản công trình hoàn thành của Nhà máy chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là Quyền sử dụng đất tại lô đất số 165 Trường Chinh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	3.400.000.000		3.400.000.000
Tăng trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối năm	<u>3.400.000.000</u>		<u>3.400.000.000</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nhà máy thủy điện Hà Tây	4.906.820.738	14.843.270.105		19.750.090.843
Nâng cấp cột điện 35KV - nhà máy thủy điện Nà Lơi		34.620.909		34.620.909
	<u>4.906.820.738</u>	<u>14.877.891.014</u>		<u>19.784.711.752</u>

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>35.264.519.292</u>	<u>18.191.589.893</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	26.785.276.737	13.675.131.258
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	3.158.693.486	543.072.358
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.123.747.767	2.123.747.767
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	3.125.882.302	1.849.638.510
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – UCRIN	70.919.000	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>15.391.777.832</u>	<u>14.981.746.406</u>
Công ty TNHH Thiết bị Linh Lăng Hằng Viễn	8.752.754.406	8.555.238.994
Hồ Nam Trung Quốc		
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Nam	1.700.000.000	1.725.323.886
Công ty Cổ phần Thái Tuyên	135.606.853	1.407.733.478
Các nhà cung cấp khác	4.803.416.573	3.293.450.048
Cộng	<u>50.656.297.124</u>	<u>33.173.336.299</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.528.881.505		1.474.973.310	(44.874.325.176)	1.129.429.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.396.698.712		24.476.422.000	(25.346.071.252)	2.527.049.460
Thuế thu nhập cá nhân	60.325.522	28.338.761	2.198.293.683	(501.865.880)	1.728.414.564
Thuế tài nguyên	2.026.219.745		46.296.317.895	(45.668.226.491)	2.654.311.149
Thuế nhà đất			2.675.898	(2.675.898)	
Tiền thuê đất			94.210.202	(94.210.202)	
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.092.200.176		18.446.720.164	(17.258.887.648)	4.280.032.692
Các loại thuế khác			8.000.000	(8.000.000)	
Phí cấp quyền khai thác nước mặt	1.590.175.539		5.952.224.649	(3.815.214.536)	3.727.185.652
Cộng	11.694.501.199	28.338.761	141.960.649.690	(137.580.388.972)	16.046.423.156

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn, Nhà máy Thủy điện Nà Lơi và Nhà máy Thủy điện Hà Tây với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (nhà máy Thủy điện Cần Đơn: Từ năm 2004 đến năm 2018; nhà máy Thủy điện Nà Lơi: Từ năm 2004 đến năm 2018; Nhà máy Thủy điện Hà Tây: Từ năm 2015 đến năm 2019).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được miễn thuế trong 4 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến năm 2030)

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính của Nhà máy Thủy điện Ryninh II và thu nhập từ hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	215.986.901.821	221.877.182.575
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	252.350.000	254.350.000
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thù lao HDQT không tham gia điều hành</i>	166.000.000	168.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	86.350.000	86.350.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	216.239.251.821	222.131.532.575
<i>Thu nhập được hưởng ưu đãi</i>	186.995.231.516	190.529.403.010
<i>Thu nhập không được hưởng ưu đãi</i>	29.244.020.305	31.742.578.332
Thu nhập tính thuế	216.239.251.821	222.271.981.342
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	43.247.850.364	44.454.396.268
<i>Chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(18.699.523.152)	(19.052.940.301)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(71.905.212)	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	24.476.422.000	25.401.455.967

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với mức 5%.

Tiền thuê đất

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Cần Đơn theo qui định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 04/GPĐC-ĐTTN ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; và được miễn tiền thuê đất trong 15 năm (từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019) đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Nà Lơi theo quyết định số 2911/QĐ-CT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Cục thuế tỉnh Điện Biên.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên được miễn tiền thuê đất trong 15 năm kể từ ngày dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động (tháng 9 năm 2014) đối với diện tích đất xây dựng nhà máy thủy điện Hà Tây theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000078 ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	991.364.274	5.093.089.890
Chi phí lãi vay phải trả	716.313.471	189.985.889
Chi phí công trình thủy điện Hà Tây		4.694.870.820
Chi phí thường an toàn điện	140.000.000	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>135.050.803</u>	<u>208.233.181</u>
Cộng	<u>991.364.274</u>	<u>5.093.089.890</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	141.211.024.518	2.006.761.146
Kinh phí công đoàn	328.403.445	272.817.457
Bảo hiểm xã hội	54.817.677	
Bảo hiểm y tế	9.659.481	
Bảo hiểm thất nghiệp	4.293.101	
Lãi vay phải trả cổ đông	124.534.066	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.159.025.125	1.035.710.905
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	392.034.000	255.756.453
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>1.138.257.623</u>	<u>442.476.331</u>
Cộng	<u>141.211.024.518</u>	<u>2.006.761.146</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ

16. Vay ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan</i>	2.914.707.188	2.585.166.157
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.914.707.188	2.585.166.157
<i>Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng</i>	13.986.705.176	6.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	13.986.705.176	6.000.000.000
Cộng	<u>16.901.412.364</u>	<u>8.585.166.157</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<u>Bên liên quan</u>	<u>Ngân hàng</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	2.585.166.157	6.000.000.000	8.585.166.157
Số tiền vay phát sinh		20.000.000.000	20.000.000.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	2.914.707.188	14.000.000.000	16.914.707.188
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	39.992.156		39.992.156
Số tiền vay đã trả	<u>(2.625.158.313)</u>	<u>(26.013.294.824)</u>	<u>(28.638.453.137)</u>
Số cuối năm	<u>2.914.707.188</u>	<u>11.000.000.000</u>	<u>16.901.412.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	104.145.839.588	104.689.098.105
Tổng công ty Sông Đà – CTCP ⁽ⁱ⁾	104.145.839.588	104.689.098.105
Vay dài hạn phải trả ngân hàng	135.443.000.000	149.443.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	135.443.000.000	149.443.000.000
Cộng	239.588.839.588	254.132.098.105

(i) Khoản vay Tổng công ty Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà – CTCP) theo Hợp đồng tín dụng vay lại vốn vay ADB số 02/2011/HĐTD-ADB-TĐSD-CD ngày 30 tháng 11 năm 2011. Mục đích vay vốn từ khoản vay ADB nguồn vốn OCR để trả một phần nợ gốc khoản vay dài hạn dự án thủy điện Cần Đơn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước. Số tiền vay là 5.000.000 USD (Năm triệu Đô la Mỹ), thời hạn vay 25 năm bao gồm 5 năm ân hạn. Gốc và lãi trả định kỳ vào ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11 hàng năm theo thông báo trả nợ của bên cho vay, ADB và Sở Giao dịch 1 Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Lãi suất cho vay gồm lãi suất LIBOR + chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo, phí cho vay lại phải trả cho Tổng công ty Sông Đà là 1%/năm trên số dư nợ gốc của khoản vay OCR, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay theo quy định. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đông Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 79/HĐTD ngày 29 tháng 12 năm 2012 để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hà Tây. Hạn mức vay 158.943.000.000 VNĐ, thời hạn vay 13 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên, bao gồm cả 2 năm ân hạn. Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của AgriBank Chi nhánh Gia Lai cộng với 2,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Số tiền vay được trả 6 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hà Tây bao gồm vốn vay, vốn tự có và nguồn vốn huy động khác (nếu có) và được cầm cố bằng nguồn thu bán điện của nhà máy thủy điện.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	149.429.705.176	13.986.705.176	67.000.000.000	68.443.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	107.060.546.776	2.914.707.188	14.969.812.425	89.176.027.163
Cộng	256.490.251.952	16.901.412.364	81.969.812.425	157.619.027.163
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	155.443.000.000	6.000.000.000	63.000.000.000	86.443.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	107.274.264.262	2.585.166.157	13.276.268.079	91.412.830.026
Cộng	262.717.264.262	8.585.166.157	76.276.268.079	177.855.830.026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	149.443.000.000		(14.000.000.000)	135.443.000.000
Vay dài hạn bên liên quan	104.689.098.105	2.371.448.671	(2.914.707.188)	104.145.839.588
Cộng	254.132.098.105	2.371.448.671	(16.914.707.188)	239.588.839.588

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là phí bảo hành sửa chữa tài sản cố định

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số đầu năm	1.893.232.193	223.753.621	842.978.950	2.959.964.764
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	10.844.482.434	3.245.517.566		14.090.000.000
Chi quỹ trong năm	(8.394.649.238)	(1.275.153.734)		(9.669.802.972)
Hao mòn TSCĐ phúc lợi			(68.544.647)	(68.544.647)
Cộng	4.343.065.389	2.194.117.453	774.434.303	7.311.617.145

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con.
Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	1.378.610.222
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(58.422.985)
Số cuối năm	1.320.187.237

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	459.991.500.000	1.212.070.479	209.207.127.652	394.861.360.072	11.022.620.565	1.075.635.804.225
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	20.787.572.348			(20.787.572.348)		
Tăng vốn từ quỹ Đầu tư phát triển	209.207.127.652		(209.207.127.652)			
Lợi nhuận trong năm trước				196.555.314.244	(140.448.769)	196.616.175.377
Trích lập các quỹ			4.237.592.735	(9.637.592.735)		(5.400.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(158.697.067.500)		(158.697.067.500)
Điều chỉnh hợp nhất				(658.633.046)		(658.633.046)
Số dư cuối năm trước	689.986.200.000	1.212.070.479	4.237.592.735	400.976.934.144	10.882.171.796	1.107.294.969.154
Số dư đầu năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	4.237.592.735	402.355.544.366	10.882.171.796	1.107.294.969.154
Lợi nhuận trong năm				190.849.850.682	134.822.273	190.984.672.955
Trích lập các quỹ			72.727.200.807	(86.817.200.807)		(14.090.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(310.493.790.000)		(310.493.790.000)
Số dư cuối năm nay	689.986.200.000	1.212.070.479	76.964.793.542	194.515.794.019	11.016.994.069	973.695.852.109

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	351.610.560.000	351.610.560.000
Các cổ đông khác	338.375.640.000	338.375.640.000
Cộng	<u>689.986.200.000</u>	<u>689.986.200.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	68.998.620	68.998.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	68.998.620	68.998.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (45%)	310.493.790.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển ⁽ⁱ⁾	72.727.200.807
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.090.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 06 năm 2018 thì số trích Quỹ đầu tư phát triển là 74.105.811.029 VND. Tuy nhiên, do không đủ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất, nên Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn chỉ trích Quỹ đầu tư phát triển là 72.727.200.807 VND. Công ty sẽ xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho kỳ đại hội gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động sản xuất điện	495.893.869.121	494.864.078.643
Doanh thu cung cấp dịch vụ	427.722.935	150.277.950
Doanh thu kinh doanh nước sinh hoạt		6.628.571
Cộng	<u>496.321.592.056</u>	<u>495.020.985.164</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	222.031.401.996	209.209.699.359
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	209.537.504	34.844.830
Cộng	<u>222.240.939.500</u>	<u>209.244.544.189</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.277.864.413	7.392.191.518
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		310.611.781
Cộng	<u>8.277.864.413</u>	<u>7.702.803.299</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.602.756.438	16.508.203.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	39.992.156	528.084.879
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.569.047.563	
Cộng	<u>20.211.796.157</u>	<u>17.036.288.513</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.087.181.337	17.768.148.517
Chi phí vật liệu quản lý	395.609.436	881.305.143
Chi phí đồ dùng văn phòng	986.167.810	924.744.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.237.205.404	1.300.263.643
Thuế, phí và lệ phí	280.219.422	329.422.759
Dự phòng phải thu khó đòi	11.910.268.669	22.644.786.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.364.333.128	2.314.432.150
Các chi phí khác	11.287.708.563	8.924.894.219
Cộng	<u>47.548.693.769</u>	<u>55.087.996.899</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	27.945.455	90.000.000
Thu từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	528.448.145	518.963.242
Tiền bồi thường bảo hiểm	403.018.253	
Thu nhập khác	153.764.555	221.854.113
Cộng	<u>1.113.176.408</u>	<u>830.817.355</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí chuyển nhượng chứng chỉ chuyển phát thải	205.531.481	201.121.642
Chi phí khác	103.000.000	107.472.000
Cộng	<u>308.531.481</u>	<u>308.593.642</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	190.984.672.955	196.414.865.475
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(14.090.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(14.090.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	190.984.672.955	182.324.865.475
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	68.998.620	58.223.526
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.768</u>	<u>3.131</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.506.889.279	21.794.882.404
Chi phí nhân công	44.265.932.791	43.599.983.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.509.829.573	95.045.723.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.767.581.318	7.324.243.624
Chi phí khác	100.741.200.308	96.567.707.882
Cộng	<u>269.791.433.269</u>	<u>264.332.541.088</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

1b. Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.837.451.359	1.796.482.404
Thù lao	584.000.000	504.000.000
Cộng	<u>2.421.451.359</u>	<u>2.300.482.404</u>

1c. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty và công ty con gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà	Các công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán điện thương phẩm của Nhà máy Thủy điện Cần Đơn cho Tổng công ty Sông Đà với số tiền là 355.464.867.798 VND (cùng kỳ năm trước là 356.093.486.523 VND).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.6; V.7; V.14 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Bình Phước, Gia Lai và Điện Biên.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực Bình Phước	Khu vực Gia Lai	Khu vực Điện Biên	Loại trừ hợp nhất	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.464.867.798	91.890.412.825	49.020.856.888	(54.545.455)	496.321.592.056
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	355.464.867.798	91.890.412.825	49.020.856.888	(54.545.455)	496.321.592.056
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	193.188.996.811	53.979.896.828	26.966.304.372		274.080.652.556
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(28.955.927.031)	(13.539.877.864)	(5.107.434.329)	54.545.455	(47.548.693.769)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	164.233.069.780	40.440.018.964	21.858.870.043		226.531.958.787
Doanh thu hoạt động tài chính	8.231.522.246	40.025.544	6.316.623		8.277.864.413
Chi phí tài chính	(5.916.021.153)	(13.711.545.153)		(584.229.851)	(20.211.796.157)
Thu nhập khác	512.109.162	556.393.600	44.673.646		1.113.176.408
Chi phí khác	(103.000.000)	(205.531.481)			(308.531.481)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(16.993.464.029)	(5.280.061.870)	(2.202.896.101)		(24.476.422.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				58.422.985	58.422.985
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	149.964.216.006	21.839.299.604	19.706.964.211	(525.806.866)	190.984.672.955
Chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	77.634.349.878	13.199.035.003	6.205.902.629		97.039.287.510
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.093.486.523	83.677.489.086	55.250.009.555		495.020.985.164
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.093.486.523	83.677.489.086	55.250.009.555		495.020.985.164
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	202.109.630.831	50.921.767.388	32.745.042.756		285.776.440.975
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(38.833.875.627)	(10.921.808.992)	(5.332.312.280)		(55.087.996.899)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	163.275.755.204	39.999.958.396	27.412.730.476		230.688.444.076
Doanh thu hoạt động tài chính	7.655.477.614	41.899.688	5.425.997		7.702.803.299
Chi phí tài chính	(3.075.606.368)	(14.569.293.476)		608.611.331	(17.036.288.513)
Thu nhập khác	109.090.909	595.326.878	126.399.568		830.817.355
Chi phí khác	(100.000.000)	(201.121.642)	(7.472.000)		(308.593.642)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(17.300.602.906)	(5.323.165.988)	(2.777.687.073)		(25.401.455.967)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(60.861.133)	(60.861.133)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150.564.114.453	20.543.603.856	24.759.396.968	547.750.198	196.414.865.475
Chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	77.634.349.878	13.199.035.003	6.205.902.629		97.039.287.510

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	<u>Khu vực Bình Phước</u>	<u>Khu vực Gia Lai</u>	<u>Khu vực Điện Biên</u>	<u>Các khoản loại trừ hợp nhất</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>1.193.558.929.871</u>	<u>342.154.766.599</u>	<u>72.955.101.554</u>	<u>(150.017.962.245)</u>	<u>1.458.650.835.779</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>1.193.558.929.871</u>	<u>342.154.766.599</u>	<u>72.955.101.554</u>	<u>(150.017.962.245)</u>	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
Tổng tài sản					<u><u>1.458.650.835.779</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>271.564.571.167</u>	<u>209.870.906.936</u>	<u>3.248.137.343</u>	<u>236.772.627</u>	<u>484.920.388.073</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>271.564.571.167</u>	<u>209.870.906.936</u>	<u>3.248.137.343</u>	<u>236.772.627</u>	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					<u><u>484.920.388.073</u></u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>1.175.877.290.718</u>	<u>331.600.864.033</u>	<u>78.665.642.410</u>	<u>(149.373.732.394)</u>	<u>1.436.770.064.767</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>1.175.877.290.718</u>	<u>331.600.864.033</u>	<u>78.665.642.410</u>	<u>(149.373.732.394)</u>	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
Tổng tài sản					<u><u>1.436.770.064.767</u></u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>124.980.049.149</u>	<u>199.863.640.018</u>	<u>3.906.245.442</u>	<u>690.565.407</u>	<u>329.440.500.016</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>124.980.049.149</u>	<u>199.863.640.018</u>	<u>3.906.245.442</u>	<u>690.565.407</u>	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					<u><u>329.440.500.016</u></u>

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V kiểm toán và đã thông báo Kết quả kiểm toán tại Thông báo số 200/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 200/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(56.639.912.543)	1.745.290.454	(54.894.622.089)
Chi phí trả trước dài hạn	261	3.788.189.361	2.417.926.472	6.206.115.833
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.197.227.610	497.273.589	11.694.501.199
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	397.310.990.807	3.665.943.337	400.976.934.144
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				
Giá vốn hàng vốn	11	211.662.470.661	(2.417.926.472)	209.244.544.189
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	56.833.287.353	(1.745.290.454)	55.087.996.899
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	24.904.182.378	497.273.589	25.401.455.967
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	217.713.965.649	4.163.216.926	221.877.182.575
Các khoản dự phòng	03	24.390.076.855	(1.745.290.454)	22.644.786.401
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.835.485.022	(2.417.926.472)	(582.441.450)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Hồ Thị Huệ

Kế toán trưởng

Đồng Văn Tâm

Lập, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Tổng giám đốc



Mai Ngọc Hoàn